

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày: 15/9/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Công Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Văn Phiếu; Ông Bùi Khắc Thái.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung - Thư ký viên tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Đào Sỹ Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2021/TLST- DS ngày 28/7/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST - DS ngày 16/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 31/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Th, sinh năm 1976.

Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1971.

Đều có địa chỉ: Thôn TP, xã GT, huyện GV, tỉnh Ninh Bình.

(Ông N ủy quyền cho bà Th tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 02/7/2021) - Bà Th có mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Xuân M, sinh năm 1967. Bà Trần Thị H, sinh năm 1967.

Đều có địa chỉ: Thôn XL, xã GS, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (ông M, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn là ông Đoàn Văn N, bà Trịnh Thị Th và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Nho Quan do nguyên đơn bà Th trình bày:

Vợ chồng ông N, bà Th có làm đại lý bán thức ăn gia súc, gia cầm (bán cám). Trong quá trình bán hàng, ông M, bà H ở thôn XL, xã GS có mua thức ăn chăn nuôi (cám). Hai bên có thống nhất thỏa thuận bên bán giao hàng tại nhà bên mua, các lần giao hàng bên mua sẽ ký nhận hàng tính giá tiền mặt trả chậm tháng nào tính lãi tháng đó trong sổ giao nhận hàng, lãi xuất chậm trả là 1,5%/tháng. Khi nào bán được

sản phẩm chăn nuôi, ông M, bà H sẽ thanh toán hết tiền hàng (cám) cho bên bán và không để số dư. Nhưng ông M bà H không Th hiện đúng cam kết. Số tiền còn nợ lại do giao hàng hai bên ký kết đến ngày 11/5/2017 là 99.557.000^d, ông M bà H đã thanh toán cho bà Th 30.000.000^d vào ngày 02/6/2018. Sau đó giữa hai bên có ký giấy xác nhận nợ vào ngày 25/3/2020 ông M, bà H còn nợ đại lý là 69.557.000 đồng tiền nợ gốc do mua hàng. Qua nhiều lần qua lại đề đòi nợ, nhưng ông M, bà H không trả. Vì vậy, ông N, bà Th khởi kiện yêu cầu tòa án buộc ông M, bà H phải trả số tiền nợ gốc là 69.557.000 đồng, và số tiền nợ lãi 1,5%/tháng tính từ ngày 02/6/2018 đến ngày hòa giải là 39.995.275 đồng. Tổng cộng là 109.552.275 đồng.

Ý kiến của bị đơn: Tại bản tự khai ngày 6/8/2021 và biên bản hòa giải ngày 12/8/2021 bị đơn ông Bùi Xuân M và bà Trần Thị H trình bày: Ông nhất trí với thông báo thụ lý vụ án của tòa án về yêu cầu khởi kiện của ông N, bà Th. Do nhu cầu trong chăn nuôi nên ông M, bà H có mua cám chậm trả của ông N, bà Th. Ngày 29/11/2016 ông N, bà Th bắt đầu giao cám cho gia đình ông, bà chăn nuôi gà, thỏa thuận giao hàng chậm trả và lãi xuất như bà Th trình bày, ông M thừa nhận tính đến ngày 02/6/2018 ông còn nợ bà Th, ông N số tiền gốc là 69.557.000 đồng thỏa thuận tính lãi 1,5%/tháng đến ngày hòa giải 12/8/2021 là 39.995.275^d, tổng cộng là 109.552.275 đồng. Nhưng do chăn nuôi bị dịch bệnh, giá gà thị trường thấp nên ông M chưa có điều kiện trả nợ, ông M đề nghị bà Th, ông N cho ông được trả nợ dần số nợ gốc trong ba năm và số tiền nợ lãi sẽ thanh toán sau.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện như nội dung hòa giải giữa hai bên ngày 12/8/2021, buộc bị đơn phải thanh toán trả nợ gốc và nợ lãi tiền mua hàng cho nguyên đơn số tiền 109.552.275 đồng tính đến ngày 12/8/2021. Nếu bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn không thanh toán thì sẽ tiếp tục chịu lãi suất theo quy định của nhà nước.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

* Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã Th hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã Th hiện đúng quyền và nghĩa vụ, bị đơn chưa Th hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị Th và ông Đoàn Văn N. Buộc bị đơn ông Bùi Xuân M và bà Trần Thị H trả nợ tiền cho bà Trịnh Thị Th và ông Đoàn Văn N số tiền 109.552.275 đồng, phải chịu lãi suất chậm trả

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm được hoàn lại số tiền tạm ứng đã nộp. Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ tại thôn XL, xã GS, huyện N, tỉnh Ninh Bình đề nghị tòa án giải quyết “ Tranh chấp hợp đồng mua bán”. Tòa án nhân dân huyện Nho Quan đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Việc vắng mặt bị đơn tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử, do bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Th, ông Đoàn Văn N. Bị đơn là ông Bùi Xuân M và bà Trần Thị H không có ý kiến yêu cầu phản đối gì với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã thừa nhận có thỏa thuận với ông N, bà Th để phía bà Th, ông N cung cấp cám chăn nuôi cho gia đình ông M, bà H, tính đến ngày 02/6/2018 ông còn nợ bà Th, ông N số tiền gốc là 69.557.000 đồng, thỏa thuận tính lãi 1,5%/tháng nếu chậm trả, tính đến ngày hòa giải 12/8/2021 là 39.995.275^d, tổng cộng là 109.552.275 đồng, là phù hợp với sổ giao nhận hàng và giấy xác nhận nợ ngày 25/3/2020 đã ký giữa hai bên. Như vậy có đủ cơ sở kết luận từ tháng 11/2016 đến ngày 02/6/2018 ông M, bà H đã nhận cám thức ăn chăn nuôi từ ông N, bà Th. Tính đến ngày 02/6/2018 ông M, bà H còn nợ ông N, bà Th số tiền mua cám là 69.557.000 đồng nợ gốc, và lãi thỏa thuận chậm trả ban đầu khi giao hàng 1,5%/tháng trên số nợ gốc từ ngày 02/6/2018 đến ngày hòa giải 39.995.275^d. Vì vậy ông N, bà Th khởi kiện đề nghị buộc ông M, bà H phải trả nợ tiền mua cám còn nợ và lãi suất chậm trả cho ông N, bà Th là có căn cứ phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 385, 430, 433, 440, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không tính lãi suất đối với bị đơn trên số nợ gốc từ ngày 13/8/2021 đến ngày xét xử.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Xuân M, bà Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 288, 385, 430, 431, 433, 434, 440, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điểm b khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn N, bà Trịnh Thị Th.

2. Buộc ông Bùi Xuân M và bà Trần Thị H phải liên đới trả cho ông N, bà Th số tiền 109.552.275 đồng (trong đó 69.557.000^d tiền gốc, 39.995.275^d tiền lãi).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán hết số tiền phải thi hành án cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Xuân M và bà Trần Thị H phải nộp là 5.477.614^d (năm triệu bốn trăm bảy bảy ngàn sáu trăm mười bốn đồng). Trả lại bà Trịnh Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.150.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003281 ngày 28/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được Th hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Nho Quan;
- THADS huyện Nho Quan;
- UBND xã GS;
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

HỨA CÔNG NGUYÊN